

BÀI KIỂM TRA ÔN TẬP TỪ VỰNG SESSION 1

Phần 1: Trắc nghiệm – Chọn nghĩa đúng

1. **windsurf** là:
A. bơi dưới nước
B. lướt ván buồm
C. chèo thuyền
2. **lend (lent)** có nghĩa là:
A. mua
B. cho mượn
C. bán
3. **campsite** là:
A. khách sạn
B. khu cắm trại
C. nhà hàng
4. **mountain bike** là:
A. xe máy
B. xe đạp địa hình
C. xe đạp điện
5. **fantastic** có nghĩa là:
A. tệ
B. bình thường
C. tuyệt vời
6. **concert** là:
A. buổi hòa nhạc
B. lớp học nhạc
C. nhạc cụ

Phần 2: Điền từ vào chỗ trống

(surfing school – swimming pool – local bands – equipment – look after – activities)

1. There is a big _____ at the hotel.
2. We learn to surf at a _____.
3. The campsite has many fun _____ for children.
4. My brother plays in one of the _____.
5. You must _____ the instruments carefully.
6. The school lends all the _____ to students.

Phần 3: Đặt câu với từ cho trong ngoặc (Viết câu đơn giản, đúng ngữ pháp)

1. (sail)
→ _____
2. (special prices)
→ _____
3. (violin player)
→ _____
4. (agree / disagree)
→ _____
5. (swimming pool)
→ _____